

Bản án số: **26/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 06/02/2023.

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Xuân T- Sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú quán: thôn Khánh Vân, xã Đoan Bái, huyện HH, tỉnh BG.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T2 - Sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ cuối cùng: Trú quán: thôn Khánh Vân, xã Đoan Bái, huyện HH, tỉnh BG.

- Đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Đặng Xuân T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T2 có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/3/2018, tại UBND xã Đoan Bái, huyện HH, tỉnh BG. Sau khi kết hôn chị T2 về cùng sống cùng gia đình anh tại thôn Khánh Vân, xã Đoan Bái, huyện HH, tỉnh BG một thời gian thì vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn. Vợ chồng chưa có con chung nên thường xuyên cãi

vã nhau, mâu thuẫn cũng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả, đến nay mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Do mâu thuẫn nên chị T2 đã xuất cảnh sang Cộng hòa Séc làm ăn, địa chỉ cụ thể anh không biết rõ ở đâu. Nay anh xác định tình cảm không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T2.

* Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không có địa chỉ cụ thể, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị T2.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố của chị T2 là Ông Nguyễn Văn S- sinh năm 1961, Địa chỉ: số nhà 180, đường Thiên Quang, TDP Tân Lập, thị trấn NQ, tỉnh N có quan điểm trình bày như sau:

Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị T2 có địa chỉ như trên. Hiện nay chị T2 đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt tại địa phương, chị T2 đi Séc nhưng vẫn liên lạc về với gia đình ông qua mạng xã hội. Gia đình ông đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án. Chị T2 cũng đã biết về yêu cầu khởi kiện của anh T. Sau khi kết hôn thì chị T2 cũng đã chuyển khẩu về xã Đoan Bái, huyện HH, tỉnh BG.

Về địa chỉ của chị T2 ở bên nước ngoài thì ông không biết và không nắm được chính xác nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Về việc anh T xin ly hôn thì chị T2 có trao đổi với ông là chị T2 đồng ý ly hôn với anh T. Chị T2 xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể đoàn tụ. Về mâu thuẫn giữa chị T2 và anh T như thế nào thì ông không biết, anh chị tình cảm không hợp nhau thì xin ly hôn. Gia đình ông cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nên ông tôn trọng nguyện vọng của các con. Trước khi kết hôn các con được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn chị T2 cũng về nhà chồng làm dâu khoảng năm 2019 thì chị T2 lại đi nước ngoài từ đó đến nay chưa về lần nào.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có

Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để chị T2 gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình ông từ chối thực hiện vì gia đình ông không biết địa chỉ của chị T2 ở bên nước ngoài, chị T2 cũng không nói cho ông biết.

Về thời gian địa điểm mở phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ. Thời gian mở phiên tòa ông sẽ thông báo cho chị T2 được biết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị T2 vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho anh Đặng Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị T2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: anh T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đặng Xuân T là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị T2. Bị đơn chị T2 là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Khánh Vân, xã Đoan Bái, huyện HH, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 27493/QLXNC-P5 ngày 19/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị T2 đã xuất nhập cảnh 9 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 25/8/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị T2. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị T2 theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T, chị T2.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T2 là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh T và chị T2 mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng

có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh T và chị T2 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Xuân T. Xử cho anh Đặng Xuân T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T2.

[4]. Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh T xác định không có nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123, Điều 127- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị T2

2. Về án phí: Anh Đặng Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000 638 ngày 12/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị T2 hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Đặng Xuân T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa.
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường